

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-12-2021

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồ Cảnh

Ông Trần Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2021/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng L, sinh năm 1994;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm 10, xã S, huyện Q, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ cư trú hiện nay: **Gunma-ken Isesaki-shi Minamisengi-cho 1706-3, Nhật Bản**; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1992;

Địa chỉ cư trú: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, giấy ủy quyền (có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản), nguyên đơn chị Trần Thị Hồng L trình bày:

Chị và anh Bùi Văn H kết hôn vào ngày 01 tháng 09 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tình yêu hoàn toàn tự nguyện không

ai bị ép buộc. Chị và anh H quen nhau khi chị đang là du học sinh tại Nhật Bản. Được sự cho phép của hai bên gia đình nên vào năm 2016 chị về Việt Nam và tổ chức đám cưới với anh H. Sau đó, chị quay lại Nhật Bản tiếp tục học tập, còn anh H sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Sau khi tốt nghiệp năm 2019, chị nhận được cơ hội ở lại làm việc tại Nhật Bản và chị có bàn bạc với anh H làm thủ tục giấy tờ để anh H sang Nhật Bản sinh sống và làm việc với chị nhưng anh H không đồng ý. Vì không cùng quan điểm nên vợ chồng nhiều lần xảy ra tranh cãi, mâu thuẫn; đỉnh điểm vào tháng 01/2020 anh H yêu cầu chị về Việt Nam sinh sống; do công việc và cuộc sống phải khó khăn lắm mới có được thu nhập tốt và ổn định nên chị không đồng ý. Vì không cùng quan điểm và mục đích chung không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn H.

Về con chung: Chị và anh Bùi Văn H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Bùi Văn H không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị Hồng L đang cư trú và làm việc tại Nhật Bản, do dịch Covid -19 diễn biến phức tạp, đi lại khó khăn nên chị không thể về Việt Nam để đến Tòa án yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Do đó, chị ủy quyền cho anh Bùi Văn Hoàng, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An nộp đơn khởi kiện ly hôn, tài liệu và nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vụ án vắng mặt chị.

Theo bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Bùi Văn H trình bày:

Anh và chị Trần Thị Hồng L kết hôn vào ngày 01 tháng 9 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn, anh vẫn làm việc và sinh sống tại Việt Nam còn chị L quay về Nhật Bản để tiếp tục làm việc. Do vợ chồng sống xa nhau, không cùng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Chị L mong muốn anh sang Nhật Bản để đoàn tụ vợ chồng, nhưng anh lại mong muốn chị L về Việt Nam để làm việc và chung sống với anh, chị L cũng không đồng ý. Từ đó, dẫn đến vợ chồng thường xuyên tranh cãi nên tình cảm vợ chồng dần mất đi. Hiện tại anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục cuộc sống chung. Vì vậy, chị L làm đơn ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị Hồng L không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Trần Thị Hồng L không có tài sản

chung, nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Bùi Văn H đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam, do phải đi công tác xa và dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp, hạn chế đi lại nên anh không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn. Do đó, anh đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị Hồng L đang cư trú tại nước Nhật Bản đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn H có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam; trước xuất cảnh, chị L có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 39, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải được vì chị Trần Thị Hồng L không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài và đương sự đề nghị không hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Trần Thị Hồng L đang cư trú tại nước Nhật Bản nhưng đã ủy quyền cho anh Bùi Văn Hoàng, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An nộp đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, giấy ủy quyền, tài liệu (có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản) cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Bùi Văn H có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam đã viết bản tự khai và nộp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nhưng do phải đi công tác xa và dịch bệnh covid 19 diễn biến phức tạp, hạn chế đi lại nên anh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Các đương sự phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về các tài liệu và chứng cứ mà các bên đã cung cấp cho Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng L và anh Bùi Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An vào ngày 01 tháng 9 năm 2016, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị L quay về nước Nhật Bản để tiếp tục làm việc còn anh H vẫn cư trú và làm việc tại Việt Nam. Do vợ chồng không cùng quan điểm lại sống xa nhau nên hay xảy ra mâu thuẫn. Chị L mong muốn anh H sang nước Nhật Bản để đoàn tụ vợ chồng, còn anh H lại mong muốn chị L về Việt Nam để làm việc và chung sống với anh H, nhưng chị L không đồng ý. Từ đó, dẫn đến vợ chồng thường xuyên tranh cãi nên tình cảm dần mất đi. Hiện tại, chị Trần Thị Hồng L và anh Bùi Văn H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị L làm đơn xin ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Trần Thị Hồng L và anh Bùi Văn H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Trần Thị Hồng L yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Trần Thị Hồng L và anh Bùi Văn H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Hồng L và anh Bùi Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị Hồng L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng L và anh Bùi Văn H được ly hôn.

2. Về con chung: Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Hồng L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011514 ngày 25/10/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị Trần Thị Hồng L đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Hồng L có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh Bùi Văn H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND huyện Q, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Quỳnh